

Số: 400/ĐT-CBTT

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh.
2. Trụ sở chính: Số 161, đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Điện thoại: 02393 855 429.
4. Fax: 02393 855 429.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Duy Bằng
6. Chức vụ: Giám đốc Công ty.
7. Điện thoại cơ quan: 02393 855 429
8. Loại thông tin công bố: 24h 72 giờ Yêu cầu Bất thường Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý III năm 2017 (có bản sao BCTC gửi kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Duy Bằng
Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
Số 161 - đường Xuân Diệu- P. Bắc Hà –TP Hà Tĩnh – tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2017

Tháng 9 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 24

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.141.590.874	87.772.308.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.636.573.579	21.027.773.384
1. Tiền	111		4.408.865.824	16.047.113.160
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.227.707.755	4.980.660.224
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	32.875.215.176	21.027.946.981
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.875.215.176	21.027.946.981
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.741.086.665	43.537.824.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	26.346.918.834	40.262.325.798
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.177.005.165	2.033.566.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	572.127.114	1.596.897.459
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(354.964.448)	(354.964.448)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	9.755.230.079	2.063.139.369
1. Hàng tồn kho	141		9.755.230.079	2.063.139.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.485.375	115.624.306
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	133.485.375	115.624.306
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		159.609.923.516	140.770.717.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.799.012.044	5.171.302.734
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	4.799.012.044	5.171.302.734
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126.523.252.879	131.587.855.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	126.523.252.879	131.587.855.110
- Nguyên giá	222		193.291.043.444	188.904.801.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.767.790.565)	(57.316.945.944)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11.	-	1.723.482.833
- Nguyên giá	231		-	2.720.134.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(996.651.277)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.966.998.545	2.106.256.727
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	17.966.998.545	2.106.256.727
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		320.660.048	181.819.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	320.660.048	181.819.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		237.751.514.390	228.543.026.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		57.081.865.327	48.291.584.747
I. Nợ ngắn hạn	310		31.416.705.936	26.468.382.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	10.798.838.973	1.722.200.475
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	5.060.000	20.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	670.658.154	998.576.011
4. Phải trả người lao động	314		10.422.449.296	11.705.412.316
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	1.096.985.258	1.102.315.311
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	202.500.001	178.863.637
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	2.009.245.418	2.138.837.840
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	2.940.893.850	1.340.893.850
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.	182.455.324	5.245.054.227
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.087.619.662	2.016.228.567
II. Nợ dài hạn	330		25.665.159.391	21.823.202.513
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16.	2.019.208.864	2.534.514.371
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	4.837.012.044	5.209.302.734
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	18.808.938.483	14.079.385.408
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.669.649.063	180.251.441.276
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20.	180.669.649.063	180.251.441.276
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.383.820.000	164.383.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.383.820.000	164.383.820.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.974.997.627	954.272.195
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.310.831.436	4.913.349.081
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.514.157.858	1.510.930.976
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.796.673.578	3.402.418.105
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		237.751.514.390	228.543.026.023

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	23.023.579.291	22.001.930.538	64.764.309.504	70.761.821.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	28.013.636	43.599.091	112.415.454	43.599.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.995.565.655	21.958.331.447	64.651.894.050	70.718.222.702
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	19.711.102.300	18.168.446.960	55.377.126.965	60.441.856.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.284.463.355	3.789.884.487	9.274.767.085	10.276.365.771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	201.334.214	448.441.028	1.302.251.805	696.337.210
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	27.906.666	-	467.513.570	460.094.202
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.906.666	-	467.513.570	460.094.202
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.2	105.414.248	66.776.523	320.255.515	171.419.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.1	2.254.168.621	1.994.159.451	6.461.165.833	5.995.559.032
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.098.308.034	2.177.389.541	3.328.083.972	4.345.630.689
11. Thu nhập khác	31		20.000.000	11.350.001	217.253.000	11.350.001
12. Chi phí khác	32	VI.7.	-	1.039.491.629	39.596.000	1.039.491.629
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		20.000.000	(1.028.141.628)	177.657.000	(1.028.141.628)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.118.308.034	1.149.247.913	3.505.740.972	3.317.489.061
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	223.661.607	237.592.083	709.067.394	671.240.312
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		894.646.427	911.655.830	2.796.673.578	2.646.248.749
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0,0054	0,0055	0,0170	0,0161
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu



Lê Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc



Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		82.578.424.377	74.256.195.286
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39.235.019.235)	(22.495.303.304)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.200.372.580)	(27.315.145.246)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(988.149.130)	(975.399.708)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(897.499.400)	(707.870.398)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.303.724.518	1.709.837.889
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.298.191.277)	(11.423.071.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.262.917.273	13.049.243.148
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.836.193.422)	(187.303.164)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.022.420.366	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.149.069.115)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		499.967.599	580.666.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.013.805.457)	(1.155.705.541)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(670.446.925)	(670.446.925)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(969.864.696)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.359.688.379	(670.446.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(14.391.199.805)	11.223.090.682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.027.773.384	4.686.510.787
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	6.636.573.579	15.909.601.469

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Lê Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Ánh

Nguyễn Duy Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình Đô thị Hà Tĩnh theo quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 29/07/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý công trình đô thị Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3000336559 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: 164.383.820.000 đồng (Một trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 16.438.382 CP

2. Tên gọi, trụ sở, người đại diện

Tên công ty : Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh

Địa chỉ : Số 161, đường Xuân Diệu, Phường Bắc Hà, Tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại : 0393 855429, Fax: 0393 855429

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Duy Bằng – Giám đốc công ty

Nhân sự: Số lượng cán bộ công nhân viên có mặt tại ngày 30/09/2017: 279 người

3. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề đăng ký kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng, thiết bị dịch vụ về vệ sinh môi trường, điện, cây xanh.

Các ngành nghề đăng ký kinh doanh chính:

Dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý khai thác sử dụng và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật; chăm sóc, duy tu các công trình cây xanh đô thị; duy tu bảo dưỡng giao thông đô thị, dịch vụ hút bùn, hút hầm vệ sinh; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Thiết kế cải tạo, làm mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, công viên cây xanh đô thị, giao thông đô thị; Tư vấn quản lý dự án; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Hoạt động các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại; Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro hoặc các sản phẩm cho mục đích khác; Sản xuất phân hữu cơ vi sinh; sản xuất phân hữu cơ sinh học; sản xuất phân hữu cơ khoáng, phân bón lá; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; tái chế phế liệu; Cho thuê văn phòng;

Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây có hạt chứa dầu;

Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; trồng cây hàng năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi khác.

Các ngành nghề kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các chi nhánh, bộ phận trực thuộc:

Tên chi nhánh, bộ phận	Địa chỉ	Mã số thuế
Chi nhánh Thương mại và Dịch vụ Môi trường	Thôn 1 - Xã Cẩm Quan - Huyện Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	3000336559-001
Chi nhánh Chiếu sáng Đô thị	Số 161 đường Xuân Diệu - Phường Bắc Hà - TP Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	3000336559-002
Chi nhánh Vệ sinh môi trường	"	3000336559-003
Chi nhánh Công viên cây xanh	"	3000336559-004
Chi nhánh Quản lý Hạ tầng xây lắp	"	3000336559-005
Bộ phận Vận chuyển xe máy	"	

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính năm của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

ty chưa trích lập dự phòng. Cụ thể, một số công nợ có nguồn gốc từ ngân sách ít có rủi ro về khả năng thanh toán nợ, do vậy tại thời điểm quyết toán lập báo cáo tài chính Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm, phương pháp thực tế đích danh đối với công trình xây lắp và hoạt động công ích. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Số 147/2016/TT-BTC ngày 12/10/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 v/v sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC và 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán-TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc và thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tương tự TSCĐ hữu hình, bất động sản đầu tư cũng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Tại ngày 30/09/2016, công ty không có số dư BĐS đầu tư. Giá trị BĐS đầu tư là nhà văn phòng cho thuê được điều chỉnh về TSCĐ theo hướng dẫn của thông tư 28/TT-TTBTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài Chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị đang trong giai đoạn đầu tư lắp đặt, chi phí tư vấn và các chi phí khác liên quan phù hợp với chính sách kế toán mà công ty áp dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ thời gian 12 tháng hoặc 1 năm với chi phí trả trước ngắn hạn và với thời hạn từ một năm trở lên đối với chi phí trả trước dài hạn. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Riêng nợ phải trả khác của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của 0.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước chi phí lãi vay trong thời gian ân hạn của hợp đồng vay dài là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước về cho thuê văn phòng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này; dự phòng quỹ tiền lương năm kế hoạch và một số khoản dự phòng khác. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Số dư dự phòng phải trả tại ngày 30/09/2017 bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng công ty đang có nghĩa vụ phải bảo hành: Mức trích lập dự phòng bảo hành tối đa bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

Dự phòng phải trả khác: Là khoản tiền dự phòng cho việc tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho CBCNV trong toàn công ty được tổ chức vào tháng 8/2017 theo hợp đồng đã ký với Công ty CP Du lịch Hà Tĩnh

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh của kỳ quyết toán. Trong kỳ đơn vị phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu dịch vụ công ích và dịch vụ khác, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng công việc hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ bao gồm là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, công trình xây lắp được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước hoặc công trình xây dựng đã ghi nhận doanh thu từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại (hoặc quyết toán cắt giảm đối với công trình xây dựng) thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành: không chịu thuế với dịch vụ duy trì, quản lý công viên cây xanh và điện chiếu sáng, bán sản phẩm từ dự án rau củ quả của Thạch Văn, mùn hữu cơ sản xuất từ rác thải sinh hoạt; thuế suất áp dụng là 5% đối với hoạt động bán cây, 10% với các hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	4.408.865.824	16.047.113.160
Tiền mặt	486.075.400	316.625.800
Tiền gửi ngân hàng	3.922.790.424	15.730.487.360
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh	3.922.790.424	9.429.987.360
Phòng GD kho bạc nhà nước Hà Tĩnh	-	6.300.500.000
Các khoản tương đương tiền	2.227.707.755	4.980.660.224
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh	2.227.707.755	4.980.660.224
Cộng	6.636.573.579	21.027.773.384

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến không quá 12 tháng: <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh</i>	32.875.215.176	32.875.215.176	21.027.946.981	21.027.946.981
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tĩnh</i>	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	42.875.215.176	42.875.215.176	21.027.946.981	21.027.946.981

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
UBND thành phố Hà Tĩnh	15.792.169.200	-	29.570.415.700	-
Phòng TNMT huyện Cẩm Xuyên	3.432.019.000	-	4.484.099.000	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.984.064.000	-	-	-
Các đối tượng khác	4.138.666.634	354.964.448	6.207.811.098	354.964.448
Cộng	26.346.918.834	354.964.448	40.262.325.798	354.964.448

4. Trả trước cho người bán

	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Minh Phú Thịnh	-	-	-	900.000.000
Công ty CP công nghệ môi trường ENVIC	-	-	-	900.000.000
Công ty Cổ phần EQS	-	-	33.000.000	33.000.000
Trung tâm nghiên cứu phân bón và dinh dưỡng cây trồng	-	-	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV ánh sáng Kinh Thành Tài Trí	-	-	2.000.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	54.005.165	200.566.000
Cộng			2.177.005.165	2.033.566.000

5. Phải thu khác

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	572.127.114	-	1.596.897.459	-
Phải thu khác:	538.747.114	-	1.596.897.459	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi tạm tính</i>	<i>13.298.413</i>	<i>-</i>	<i>371.780.816</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu UBND tỉnh Hà Tĩnh tiền trả nợ vay thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải</i>	<i>525.448.701</i>	<i>-</i>	<i>1.106.456.843</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu UBND tỉnh tiền trả dự án nhà máy chế biến phân hữu cơ từ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>118.657.800</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Phải thu khác	-	-	2.000	-
Tạm ứng	33.380.000			
b) Dài hạn	4.799.012.044	-	5.171.302.734	-
Phải thu UBND tỉnh Hà Tĩnh tiền trả nợ vay thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải	4.799.012.044	-	5.171.302.734	-
Cộng	5.371.139.158	-	6.768.200.193	-

6. Nợ xấu	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng	373.007.198	354.964.448	373.007.198	354.964.448
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm:	312.864.698	312.864.698	312.864.698	312.864.698
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Hà	312.864.698	312.864.698	312.864.698	312.864.698
Các khoản nợ quá hạn 2 năm:	60.142.500	42.099.750	60.142.500	42.099.750
Tổ hợp tác số 1- UBND xã Thạch Lạc	49.207.500	34.445.250	49.207.500	34.445.250
Tổ hợp tác số 1- UBND xã Thạch Lạc	10.935.000	7.654.500	10.935.000	7.654.500
Cộng	373.007.198	354.964.448	373.007.198	354.964.448

7. Hàng tồn kho	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.121.923.730	-	1.020.643.418	-
Công cụ, dụng cụ	65.917.064	-	108.383.922	-
Chi phí sản xuất kinh doanh DD	8.315.388.487	-	560.918.655	-
Thành phẩm	252.000.798	-	373.193.374	-
Cộng	9.755.230.079	-	2.063.139.369	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/09/2017
	VND	VND	VND	VND
Chi phí XDCB dở dang:	2.106.256.727	17.501.722.825	1.640.981.007	17.966.998.545
DA: Xây dựng Lò đốt rác 72 tấn/ngày	2.077.453.091	16.786.960.000	926.218.182	17.938.194.909
DA: xây dựng khu vườn wòm kết hợp bãi tập kết xà bần	28.803.636			28.803.636
DA: nhà gara để xe máy + Hội trường phòng họp các chi nhánh	-	714.762.825	714.762.825	-
Cộng	2.106.256.727	17.501.722.825	1.640.981.007	17.966.998.545

9. Chi phí trả trước :

Là chi phí công cụ dụng cụ sản xuất chờ phân bổ.

G TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH
 hi: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND					
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	74.843.992.463	86.648.787.358	27.301.156.151	110.865.082	188.904.801.054	
Mua trong kỳ				58.400.000	58.400.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	714.762.825	892.945.455	-	-	1.607.708.280	
Tăng do điều chỉnh lại	2.720.134.110				2.720.134.110	
Thanh lý, nhượng bán						
Số dư ngày 30/09/2017	78.278.889.398	87.541.732.813	27.301.156.151	169.265.082	193.291.043.444	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	11.241.179.722	24.502.177.050	21.496.929.648	76.659.524	57.316.945.944	
Khấu hao trong kỳ	2.804.196.619	4.480.372.600	1.153.480.370	16.143.755	8.454.193.344	
Tăng khác	1.064.654.629				1.064.654.629	
Giảm khác	(68.003.352)				(68.003.352)	
Số dư ngày 30/09/2017	15.042.027.618	28.982.549.650	22.650.410.018	92.803.279	66.767.790.565	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	63.602.812.741	62.146.610.308	5.804.226.503	34.205.558	131.587.855.110	
Tại ngày 30/09/2017	63.236.861.780	58.559.183.163	4.650.746.133	76.461.803	126.523.252.879	
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			22.817.499.092			
Tăng, giảm Bất động sản đầu tư						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/09/2017		
Nguyên giá BĐS đầu tư						
Nhà văn phòng cho thuê	2.720.134.110	-	(2.720.134.110)			
Giá trị hao mòn lũy kế						
Khấu hao trong năm	996.651.277	68.003.352	(1.064.654.629)			
Giá trị còn lại						
Nhà văn phòng cho thuê	1.723.482.833					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/09/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính						
Vay ngắn hạn	2.940.893.850	2.940.893.850	2.270.446.925	670.446.925	1.340.893.850	1.340.893.850
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng	1.340.893.850	1.340.893.850	670.446.925	670.446.925	1.340.893.850	1.340.893.850
Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-	-
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (**)	18.808.938.483	18.808.938.483	7.000.000.000	2.270.446.925	14.079.385.408	14.079.385.408
Vay dài hạn	13.408.938.483	13.408.938.483	7.000.000.000	670.446.925	14.079.385.408	14.079.385.408
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (*)	5.400.000.000	5.400.000.000	7.000.000.000	1.600.000.000	-	-
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (**)	21.749.832.333	21.749.832.333	9.270.446.925	2.940.893.850	15.420.279.258	15.420.279.258
Tổng cộng						

(*) Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 02/2015/HD - NHPT ngày 25/02/2015 giữa Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh kế thừa hiệp định vay phụ được ký ngày 05/05/2004 giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với Công ty Quản lý Công trình Đô Thị Hà Tĩnh (nay là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Hà Tĩnh), căn cứ trên Hiệp định vay số 2034 VIE - (SF) ngày 06/02/2004 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á về Dự án Cải thiện Môi trường Đô thị Miền Trung. Thời hạn cho vay là 20 năm, trong đó có 6 năm ân hạn tính từ thời điểm rút vốn của dự án, lãi suất cho vay là 5,4%/năm trên số dư nợ gốc vay.

(**) Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 03-17/TDĐT-QM/HTURENCO ngày 10 tháng 02 năm 2017 với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam về vay đầu tư cho dự án Lò đốt rác 72 tấn/ngày đến. Giá trị vay: 7.000.000.000 đồng, lãi suất: 2,6%/năm, thời gian vay 5 năm, trong đó 9 tháng ân hạn, trả lãi vay hàng tháng và nợ gốc hàng quý (vào ngày 15 tháng cuối quý, kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 15/12/2017)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Minh Phú Thịnh	784.946.000	784.946.000		
Trương Văn Quỳnh	718.650.000	718.650.000	-	-
Công ty CP Đầu tư XD-TM-XNK Việt Anh	3.363.142.888	3.363.142.888	-	-
Công ty CP công nghệ môi trường ENVIC	1.714.000.000	1.714.000.000		
Công ty TNHH xây dựng Nam Trường	61.571.000	61.571.000	61.571.000	61.571.000
Công ty CP TM và DV Tân Gia	-	-	225.436.000	225.436.000
Công ty CP XD và TM số 8 Hà Tĩnh	1.128.130.800	1.128.130.800	193.170.000	193.170.000
Phải trả khác hàng khác	3.028.398.285	3.028.398.285	1.242.023.475	1.242.023.475
Cộng	10.798.838.973	10.798.838.973	1.722.200.475	1.722.200.475
14. Người mua trả tiền trước			30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
Ngắn hạn				
Khách lẻ			5.060.000	20.000.000
Cộng			5.060.000	20.000.000
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			Đơn vị tính: VND	
Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2017
Phải nộp:				
Thuế GTGT	470.104.657	1.029.035.220	1.285.188.423	213.951.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	412.093.613	709.067.394	897.499.400	223.661.607
Thuế thu nhập cá nhân	113.918.991	315.202.473	213.287.621	215.833.843
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.458.750	55.000.800	40.248.300	17.211.250
Cộng	998.576.011	2.116.305.887	2.444.223.744	670.658.154
16. Chi phí phải trả			30/09/2017	01/01/2017
			VND	VND
a) Ngắn hạn				
Trích trước chi phí lãi vay			1.096.985.258	1.102.315.311
b) Dài hạn				
Trích trước chi phí lãi vay			2.019.208.864	2.534.514.371
Cộng			3.116.194.122	3.636.829.682

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Phải trả khác	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.009.245.418	2.138.837.840
Kinh phí công đoàn	56.491.776	
Bảo hiểm xã hội	7.541.961	10.040.773
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	253.720.000	319.220.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	1.599.670.681	1.477.515.067
Phải trả UBND tỉnh - giá trị thanh toán quá cho các nhà thầu thi công dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt	-	220.472.000
Phải trả phải nộp khác	91.821.000	111.590.000
b) Dài hạn	4.837.012.044	5.209.302.734
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	38.000.000	38.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nợ vay ODA đầu tư thiết bị nhà máy chế biến phân hữu cơ (*)	4.799.012.044	5.171.302.734
Cộng	6.846.257.462	7.348.140.574
18. Doanh thu chưa thực hiện	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	202.500.001	178.863.637
Doanh thu cho thuê văn phòng	202.500.001	178.863.637
Công ty Cổ phần Thời trang Mixzin	11.590.910	69.772.728
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Anh	137.878.788	78.787.879
Cửa hàng thiết bị điện Việt Anh	53.030.303	30.303.030
Cộng	202.500.001	178.863.637
19. Dự phòng phải trả	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	182.455.324	320.054.227
Dự phòng tiền lương		4.925.000.000
Dự phòng khác	-	-
Cộng	182.455.324	5.245.054.227

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XDCB	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/2016	164.383.820.000	954.272.195	4.913.349.081	10.000.000.000	180.251.441.276
Lãi trong kỳ trước			2.796.673.578	-	2.796.673.578
Phân phối lợi nhuận năm trước:		1.020.725.432	- 3.399.191.223	-	(2.378.465.791)
Trích quỹ ĐTPT		1.020.725.432	- 1.020.725.432		-
Trích quỹ khen thưởng HĐQT và BĐH			- 1.408.601.095	-	(1.408.601.095)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông			- 969.864.696	-	(969.864.696)
Giảm khác (*)			-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2017	164.383.820.000	1.974.997.627	4.310.831.436	10.000.000.000	180.669.649.063

20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước (94,55%)	155.417.820.000	155.417.820.000
Vốn góp của các cổ đông khác (5,45%)	8.966.000.000	8.966.000.000
Cộng	164.383.820.000	164.383.820.000

20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	164.383.820.000	164.383.820.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	164.383.820.000	164.383.820.000

20.4. Cổ phiếu

	30/09/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.438.382	16.438.382
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu phổ thông	16.438.382	16.438.382
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

20.5. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/09/2017
Quỹ đầu tư phát triển	954.272.195	1.020.725.432	-	1.974.997.627
Cộng	954.272.195	1.020.725.432	-	1.974.997.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	231.211.149	362.618.754
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	17.293.752.276	18.949.788.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	170.005.866	269.747.801
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.328.610.000	2.419.775.910
Cộng	23.023.579.291	22.001.930.538
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	28.013.636	43.599.091
Cộng	28.013.636	43.599.091
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	188.205.393	314.107.428
Giá vốn của dịch vụ công ích đã cung cấp	14.240.433.588	15.568.869.081
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	99.084.146	108.450.920
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5.183.379.173	2.177.019.531
Cộng	19.711.102.300	18.168.446.960
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	201.334.214	448.441.028
Cộng	201.334.214	448.441.028

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.906.666	-
Cộng	27.906.666	-
6. Thu nhập khác	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Thu nhập khác	20.000.000	11.350.001
Cộng	20.000.000	11.350.001
7. Chi phí khác	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí khác	-	1.039.491.629
Cộng	-	1.039.491.629
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
8.1 Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.254.168.621	1.994.159.451
Chi phí nhân viên quản lý	1.115.175.810	1.243.845.279
Chi phí vật liệu quản lý	48.929.193	23.675.281
Chi phí đồ dùng văn phòng	119.692.400	95.397.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.712.078	97.169.175
Thuế, phí và lệ phí	-	4.576.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.730.160	380.758.439
Chi phí khác bằng tiền	562.928.980	148.737.078
8.2 Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	105.414.248	66.776.523
Chi phí nhân viên	103.463.248	53.411.123
Chi phí vật liệu, bao bì		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.000	
Chi phí khác bằng tiền	400.000	13.365.400
Cộng	2.359.582.869	2.060.935.974

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 161 đường Xuân Diệu, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	23.216.899.869	22.418.122.476
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	22.098.591.835	21.268.874.563
Chi phí bị loại trừ khi tính thuế (Phạt chậm nộp tiền thuê đất)		38.712.500
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.118.308.034	1.187.960.413
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	223.661.607	237.592.083
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	223.661.607	237.592.083
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.838.474.122	3.826.313.987
Chi phí nhân công	11.164.253.125	9.468.042.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.782.110.054	2.913.270.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.491.930.637	486.712.889
Chi phí khác bằng tiền	577.099.755	142.342.818
Cộng	27.853.867.693	16.836.682.138
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	894.646.427	911.655.830
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	894.646.427	911.655.830
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.438.382	16.438.382
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54,42	55,46

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty khẳng định rằng trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 30/09/2017.

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND
Tiền lương của người quản lý	315.723.000	266.751.000
Thù lao thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, thư ký công ty	19.200.000	53.350.000

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 của công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Lê Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc



Nguyễn Duy Bằng